

Số: 1473/QĐST-KDTM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 70/KDTMST ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiêu MT** (gồm: các ông Trương Văn T, Lê Hữu K, Nguyễn Bá K, Phạm Hữu T, Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn T, Công ty Cổ phần Du lịch TG, Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông thủy sản xuất khẩu TP và bà Đỗ Thị N).

Địa chỉ: ấp HG, xã MP, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp: Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông thủy sản xuất khẩu TP (theo Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020)

Địa chỉ: Khu công nghiệp MT, xã TA, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang

Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông thủy sản xuất khẩu TP ủy quyền cho ông Đỗ Văn T, theo Văn bản ủy quyền số 149/2020/UQ ngày 25/2/2020

Bị đơn: **Công ty Cổ phần B**

Địa chỉ: 142 đường TVC, phường AH, quận NK, Thành phố Cần Thơ

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trần T, theo Giấy ủy quyền ngày 25/6/2020

Địa chỉ: 255 HVT, quận TX, TP Hà Nội

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn H - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiêu MT và Công ty Cổ phần B thống nhất thỏa thuận như sau:

2.1. Công ty Cổ phần B có trách nhiệm:

- Nhận lỗi với Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiểu MT với nội dung: “Chúng tôi - Công ty Cổ phần B, địa chỉ: 142 TVC, phường AH, quận NK, thành phố Cần Thơ gửi lời xin lỗi đến Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiểu MT, địa chỉ: ấp HG, xã MP, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang do đã có hành vi gắn nhãn hiệu có chứa dấu hiệu “MT” trên sản phẩm thuộc lô hàng sản phẩm bánh hỏi thuộc tờ khai hải quan số 302926465504 ngày 10/12/2019, container số BEUAU5291605.”

- Gỡ bỏ và tiêu hủy toàn bộ nhãn hiệu chứa yếu tố dấu hiệu “MT” của lô hàng sản phẩm bánh hỏi thuộc tờ khai hải quan số 302926465504 ngày 10/12/2019, container số BEUAU5291605 đang lưu giữ tại cảng Cát Lái – Thành phố Hồ Chí Minh được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể số 0116254 cấp ngày 16/12/2008 do Cục Sở hữu Trí tuệ cấp cho Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiểu MT.

- Chấm dứt việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm gắn nhãn hiệu có chứa dấu hiệu “MT” được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể số 0116254 cấp ngày 16/12/2008 do Cục Sở hữu Trí tuệ cấp cho Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiểu MT.

- Bồi thường cho Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiểu MT số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) ngay khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Chịu mọi chi phí, thiệt hại phát sinh từ việc tạm dừng, lưu kho hải quan đối với lô hàng sản phẩm bánh hỏi thuộc tờ khai hải quan số 302926465504 ngày 10/12/2019, container số BEUAU5291605 theo Quyết định số 7578/QĐ-SHTT ngày 11/12/2019 của Chi Cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 1 và các quyết định gia hạn (nếu có), đồng thời chịu chi phí gỡ bỏ, tiêu hủy toàn bộ nhãn hiệu chứa yếu tố dấu hiệu “MT” của lô hàng trên.

2.2. Công ty Cổ phần B được quyền thực hiện các thủ tục giải tỏa lô hàng sản phẩm bánh hỏi thuộc tờ khai hải quan số 302926465504 ngày 10/12/2019, container số BEUAU5291605 đang lưu giữ tại Cảng Cát Lái – Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 7578/QĐ-SHTT ngày 11/12/2019 của Chi Cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn Khu Vực 1 và các quyết định gia hạn (nếu có) để Công ty Cổ phần B tiến hành thủ tục gỡ bỏ và tiêu hủy nhãn hiệu có chứa dấu hiệu “MT”. Trường hợp nếu cơ quan hải quan có yêu cầu thì Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiểu MT cam kết có văn bản hỗ trợ và phối hợp để Công ty Cổ phần B nhận lại lô hàng sớm nhất.

2.3. Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiểu MT cam kết không đưa hoặc cung cấp thông tin liên quan đến vụ kiện này trên các phương tiện thông tin truyền thông.

3. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần B về việc yêu cầu Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiểu MT bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần B khoản tiền 500.000.000 đồng do hàng hóa bị hỏng và phí thuê luật sư tư vấn.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Các bên thỏa thuận do Công ty Cổ phần B chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0092472 ngày 01/09/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty Cổ phần B còn được nhận lại 7.000.000 (Bảy triệu) đồng.

Các thành viên của Tổ hợp tác hủ tiêu MT không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0091515 ngày 28/4/2020 và 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0091514 ngày 28/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

6. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Hương